

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Công trình: Cơ sở hạ tầng khu dân cư và chợ Gò Bồi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 596/TTr-STC ngày 18/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với nội dung như sau:

- Tên công trình: Cơ sở hạ tầng khu dân cư và chợ Gò Bồi.
- Chủ đầu tư: UBND huyện Tuy Phước.
- Thời gian khởi công - hoàn thành: Từ ngày 02/8/2017 đến ngày 28/4/2020.
- Địa điểm xây dựng: Xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Dự toán được duyệt	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4	5=3-4
Tổng số	27.653.716.000	26.254.161.000	25.999.730.000	254.431.000
1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh			6.500.000.000	
- Vốn cấp quyền sử dụng đất			1.700.000.000	
- Vốn đầu tư tập trung			4.800.000.000	

2. Nguồn vốn huyện			19.499.730.000	
- Nguồn đóng góp Cụm công nghiệp Phước An			7.200.000.000	
- Nguồn cấp quyền sử dụng đất			12.299.730.000	

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán
Tổng số	27.653.716.000	26.254.161.000
1. Bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng	4.494.044.000	4.485.237.000
- Bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng	4.383.886.000	4.383.616.000
- Chi phí phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng	87.778.000	87.778.000
- Thuởng đẩy nhanh tiến độ GPMB	5.000.000	5.000.000
- Kinh phí dự phòng thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất	8.537.000	0
- Tiền bảo vệ và phát triển trồng lúa	8.843.000	8.843.000
2. Xây dựng	20.053.793.000	20.483.956.000
- Xây dựng		19.897.483.000
- Hạng mục chung		586.473.000
+ Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công		195.491.000
+ Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế		390.982.000
3. Quản lý dự án	322.044.000	322.044.000
4. Tư vấn đầu tư xây dựng	942.271.000	833.914.000
- Lập dự án đầu tư	102.886.000	102.886.000
- Lập thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	288.242.000	288.242.000
- Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	44.862.000	0
- Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu	39.890.000	37.700.000
- Giám sát thi công xây dựng	466.391.000	405.086.000

5. Chi phí khác	1.147.809.000	129.010.000
- Bảo hiểm công trình	54.127.000	0
- Hạng mục chung	589.498.000	0
+ Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công	196.499.000	0
+ Chi phí một số công tác không xác định được khối lượng từ thiết kế	392.999.000	0
- Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	4.057.000	4.056.000
- Lệ phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công-dự toán	11.233.000	11.233.000
- Lệ phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu	19.406.000	0
- Chi phí Hội đồng giải quyết kiến nghị của nhà thầu	5.432.000	0
- Phí bảo vệ môi trường và thuế tài nguyên	92.707.000	0
- Phí thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy	18.269.000	13.272.000
- Kiểm toán quyết toán	226.047.000	0
- Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	127.033.000	100.449.000
6. Dự phòng chi	693.755.000	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			26.254.161.000	26.254.161.000
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			26.254.161.000	26.254.161.000

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là: 26.254.161.000 đồng.

Dvt: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	26.254.161.000	
- Đã bố trí	25.999.730.000	
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh	6.500.000.000	
+ <i>Vốn cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>1.700.000.000</i>	
+ <i>Vốn đầu tư tập trung</i>	<i>4.800.000.000</i>	
- Nguồn vốn huyện	19.499.730.000	
+ <i>Nguồn đóng góp Cụm công nghiệp Phước An</i>	<i>7.200.000.000</i>	
+ <i>Nguồn cấp quyền sử dụng đất</i>	<i>12.299.730.000</i>	
- Chưa bố trí	254.431.000	

- Tổng các khoản công nợ tính đến nộp báo cáo quyết toán (16/7/2021) là:

+ Tổng nợ phải thu: 0 đồng.

+ Tổng nợ phải trả: 254.431.000 đồng.

Dvt: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	254.431.000	
- Bồi thường, hỗ trợ do giải phóng mặt bằng	12.522.000	
+ <i>Chi phí phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng</i>	<i>3.679.000</i>	
+ <i>Tiền bảo vệ và phát triển trồng lúa</i>	<i>8.843.000</i>	
- Xây dựng	141.460.000	
- Chi phí khác (<i>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>)	100.449.000	

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định
UBND xã Phước Hòa	26.254.161.000

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, Chủ tịch UBND xã Phước Hòa và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K10, K14.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng